

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28/3/2024

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N1

2. Lương Văn K

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị P - Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Ông Đào Thị Quỳnh M - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2023/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:*Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1999

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ: Đội 7, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên

*Bị đơn:*Anh **Trần Tuấn A**, sinh năm 1998

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên

(*Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa*)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Văn K, sinh ngày 22/7/2019.

HKTT: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật cho cháu K: Anh Trần Tuấn A và chị Trần Thị H là bố, mẹ đẻ của cháu.

*Người làm chứng:*Bà Đồng Thị T, sinh năm 1978

Trú tại: Đội 7, thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02 tháng 3 năm 2019. Sau khi kết hôn, đã không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Tuấn A chơi bời, không chịu làm ăn, khi chị sinh con được 3 tháng thì anh Tuấn A bị gãy chân phải nghỉ ở nhà hai năm mới đi làm lại được. Chị H sinh con nên không đi làm được, anh Tuấn A ở nhà để điều trị chân nên kinh tế gia đình rất khó khăn, vợ chồng anh chị xảy ra tranh cãi nhiều hơn. Trong thời gian chung sống, chị và anh Tuấn A không có thời gian nào hạnh phúc, mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng xảy ra thường xuyên, anh Tuấn A đi chơi với bạn bè nhiều đêm không về, chị thấy quá mệt mỏi, cuộc sống gia đình như vậy không có ý nghĩa. Chị H cũng đã cố gắng nói chuyện với anh Tuấn A và bố mẹ chồng để vợ chồng có thể hòa hợp nhưng anh chị vẫn không thể chia sẻ được với nhau, bố mẹ anh Tuấn A thì tôn trọng cuộc sống của anh chị, mọi việc do anh chị quyết định. Đến tháng 7/2023 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, anh chị cũng sống ly thân từ thời điểm đó.

Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh Tuấn A. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H, anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Trần Văn K, sinh ngày 22/7/2019. Hiện tại cháu K đang ở cùng chị H. Chị H đề nghị do cháu K còn nhỏ nên chị xin được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần gửi giấy triệu tập anh Trần Tuấn A đến Tòa án để tiến hành lấy lời khai nhưng anh Tuấn A đều vắng mặt. Tòa án có đến gia đình anh Tuấn A để thu thập chứng cứ, xác định quan điểm của anh Tuấn A cũng như gia đình anh về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh nhưng anh Tuấn A đều không có nhà. Gia đình anh Tuấn A xác định anh Tuấn A đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi. Gia đình anh Tuấn A không nhận hay ký vào bất kỳ văn bản nào và tỏ rõ quan điểm là hôn nhân của anh chị do anh chị quyết định. Tại buổi làm việc với gia đình anh Tuấn A vào ngày 15/11/2023, bố đẻ anh Tuấn A có nói rằng sáng 15/11/2023 anh Tuấn A ra sân bay để bay sang Đài Loan, ông từ chối làm việc và không cung cấp địa chỉ và nơi làm việc của anh Tuấn A ở Đài Loan.

Xác minh tại Công an xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Anh Trần Tuấn A có HKTT tại địa phương, việc anh Tuấn A đi nước ngoài, xuất cảnh hay không thì công an xã không nắm được vì anh Tuấn A không đăng ký xuất cảnh với công an xã.

Công văn số 1825/PA08 ngày 19/12/2023 của phòng quản lý XNC Công an tỉnh Hưng Yên V/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh: Phúc đáp công văn số 191/2023/CV – TA ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T cụ thể đã

kiểm tra trên hệ thống dữ liệu xuất nhập cảnh có thông tin anh Trần Tuấn A; Ngày sinh: 07/07/1998; CCCD số 033098008048; HKTT: Đội 3, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên; Số hộ chiếu: E00789219; Cấp ngày 01/10/2023.

Công văn số 34269/QLXNC – P3 ngày 20/12/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an V/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Trần Tuấn A: Trả lời công văn số 191/2023/CV – TA ngày 08/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện T cụ thể: Có trường hợp Trần Tuấn A, sinh ngày 07/07/1998 tại Hưng Yên; CMND số 033098008048; khai HKTT: Đội 3, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên đã sử dụng hộ chiếu E00789219 để xuất cảnh ngày 15/11/2023 và nhập cảnh ngày 22/11/2023.

Xác minh tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Chị H và anh Tuấn A có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2019 ngày 02/3/2019. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã N, huyện T. Theo thông tin từ gia đình anh Tuấn A cung cấp thì chị H đã mang con về nhà bố mẹ đẻ sống, anh chị đã sống ly thân. Tại buổi làm việc ngày 03/01/2024 địa phương xác định anh Tuấn A có mặt và vẫn đi lại, sinh hoạt tại địa phương.

Người làm chứng bà Đồng Thị T là mẹ đẻ của chị Trần Thị H trình bày: Chị H và anh Tuấn A được tự do tìm hiểu nhưng thời gian tìm hiểu ngắn nên chưa hiểu hết về nhau, anh chị còn trẻ tuổi nên sau khi kết hôn vẫn còn trẻ con, ham chơi nên giữa hai anh chị có nhiều mâu thuẫn, chị H cũng cố gắng rất nhiều nhưng anh chị vẫn không chia sẻ được với nhau. Gia đình bà cũng khuyên bảo nhưng chị H đã mệt mỏi và không chịu đựng được áp lực nên đến tháng 7/2023 chị H về sống với gia đình bà, chị H và anh Tuấn A cũng ly thân từ đó. Quan điểm của bà Thêm: Hôn nhân của chị H và anh Tuấn A không hạnh phúc nên bà đồng ý cho chị H ly hôn với anh Tuấn A.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/02/2024: Anh Tuấn A vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trần Tuấn A có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 18.3.2024 và trình bày về tình cảm vợ chồng, do chị H cương quyết ly hôn, anh đồng ý, về con vợ chồng có 1 con chung, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Văn K, sinh ngày 22/7/2019. Cháu K đang ở với chị H. Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Trần Văn K cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chấp nhận sự tự

nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh Tuấn A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Trần Tuấn A. Trong quá trình giải quyết vụ án gia đình cung cấp, anh Tuấn A xuất cảnh sang Đài Loan. Qua xác minh tại Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định: Có trường hợp Trần Tuấn A, sinh ngày 07/07/1998 tại Hưng Yên; CMND số 033098008048; khai HKTT: Đội 3, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên đã sử dụng hộ chiếu E00789219 để xuất cảnh ngày 15/11/2023 và nhập cảnh ngày 22/11/2023. Tòa án đã xác minh tại địa phương ngày 03/01/2024, xác định anh Trần Tuấn A hiện đang có mặt tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử nên Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn A có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Hưng Yên theo giấy chứng nhận kết hôn số 14/2019 ngày 02/3/2019 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Ngay sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Tuấn A chơi bời, không chịu làm ăn, khi chị sinh con được 3 tháng thì anh Tuấn A bị gãy chân phải nghỉ ở nhà hai năm mới đi làm lại được. Chị H sinh con nên không đi làm được, từ đó dẫn đến kinh tế gia đình rất khó khăn, vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng xảy ra thường xuyên, vợ chồng không thể hòa thuận được, cuộc sống gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Chị H cũng đã cố gắng nói chuyện với anh Tuấn A để vợ chồng có thể hòa hợp nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc. Đến tháng 7/2023 chị H đã bỏ về nhà bố mẹ để sống, anh chị cũng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Đến nay chị H vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh Tuấn A. Sau khi nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án anh Trần Tuấn A đã đến Tòa án nộp đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Anh Tuấn A cũng trình bày quan điểm vợ chồng đã sống ly thân và

không còn tình cảm với nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị H. Nên HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên giải quyết cho chị H được ly hôn anh Tuấn A là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật HNGĐ

[3]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Văn K, sinh ngày 22/7/2019. Hiện tại cháu đang ở cùng chị H.

Xét đề nghị của chị H cũng như quan điểm của anh Tuấn A: Chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K. Trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Tuấn A cũng tự nguyện giao cháu K cho chị H chăm sóc. Do vậy, HĐXX sẽ giao cháu Trần Văn K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế và pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh Tuấn A không có nghề nghiệp ổn định, chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, HĐXX chấp nhận sự tự nguyện này của chị H.

Anh Tuấn A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51; 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Tuấn A.

- ***Về con chung:*** Chị Trần Thị H và anh Trần Tuấn A có 01 con chung là cháu Trần Văn K, sinh ngày 22/7/2019.

Giao cháu Trần Văn K cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tuấn A được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0004720 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N (CNKH số 14/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N